

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/6/2024  
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Trúc Linh

Bà Trần Thị Kim Đồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Tiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia phiên tòa.**

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thủy T**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy L**, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Duy L xây dựng hôn nhân vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 24/10/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, sống không hợp nhau, vợ

chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/4/1996, hiện con đã trưởng thành và đã có gia đình nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn anh Nguyễn Duy L*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Duy L nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Duy L; anh L có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Thủy T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Duy L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các đương sự này.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Duy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24/10/2003 nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Duy L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị T cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023, hai bên không còn tình cảm nên chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L. Đối với bị đơn anh L, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp nhưng anh L không đến Tòa cũng như không có văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy, giữa chị T và anh L không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thủy T cho rằng vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/4/1996. Lời trình bày của chị T là phù hợp với Giấy khai sinh của Nguyễn Trọng N. Xét, Nguyễn Trọng N sinh năm 1996 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thủy T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thủy T.**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

1.2. Về con chung: Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/4/1996 hiện đã trưởng thành và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thủy T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0011112 ngày 01/3/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Nguyễn Thị Thủy T đã nộp đủ.**

**3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự**

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Phú Thành, huyện Trà Ôn  
(GCNKH số 141, ngày 24/10/2003)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Luân**